TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày 17 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Ông Đường Ngọc Đại

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố P.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà*:** Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35A/2019/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Mai Văn T, sinh ngày 28/8/1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Mai Văn A (đã chết) và bà Trần Thị Th; Có vợ là Nguyễn Hà T1và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2018 đến ngày 13/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Hoàng Đức L, sinh năm 1985, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường B, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985, (có mặt).

Địa chỉ đều ở: Đường 23B, xã C, huyện D, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1983, (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 132 E, phường E, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Mai Văn Q, sinh năm 1977, (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/7/2018 Mai Văn T đến nhà anh Hoàng Đức L, trú tại X, phường B, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc hỏi thuê xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet - Cruze màu sơn trắng biển kiểm soát (BKS) 88A-101.65 của anh L làm phương tiện đi lại, thời hạn thuê từ ngày 20/7/2018 đến ngày 22/7/2018, với giá 800.000 đồng/01 ngày, không làm hợp đồng thuê xe. T để lại cho anh L 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Mai Văn T, 01 sổ hộ khẩu mang tên Mai Văn A. Anh L đưa cho T 01 giấy đăng ký xe ô tô nêu trên (bản photo); 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc (bản gốc). Thuê được xe, T sử dụng xe ô tô trên đến khoảng 10 giờ cùng ngày do thiếu tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định mang giấy tờ xe ô tô trên đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. T đi xe ô tô thuê của anh L đến nhà anh Nguyễn Văn K, trú tại đường 23B, xã C, huyện D, thành phố Hà Nội hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng và để lại giấy đăng ký xe ô tô BKS 88A-101.65 (bản photo); 01 giấy chứng nhận kiểm định; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của xe (bản chính), anh K đồng ý, hai bên không viết giấy vay tiền. Đến hẹn, không thấy T trả xe nên anh L gọi điện yêu cầu T trả và nếu muốn tiếp tục thuê thì sáng ngày 23/7/2018 mang xe về làm hợp đồng thuê xe.

Đến khoảng 07 giờ ngày 23/7/2018 T lái xe ô tô đến nhà anh L. Hai bên thống nhất T tiếp tục thuê xe trong thời gian 02 ngày, từ 07 giờ ngày 23/7/2018 đến 18 giờ ngày 24/7/2018, có làm hợp đồng thuê xe với giá cho thuê là 1.500.000 đồng, T đồng ý và ký vào hợp đồng. T tiếp tục sử dụng chiếc xe ô tô thuê của anh L làm phương tiện đi lại đến khoảng 10 giờ ngày 24/7/2018 khi T đang ở công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Đ thuộc phường G, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc thì nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô thuê của anh L đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe ô tô đến nhà anh K gặp và hỏi vay 40.000.000 đồng, đặt lại xe ô tô thuê của anh L làm tin. Anh K đồng ý, hai bên thống nhất T viết giấy vay tiền của anh K với số tiền vay 50.000.000 đồng (bao gồm 10.000.000 đồng của lần vay ngày 20/7/2018). Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24/7/2018 không thấy T trả xe nên anh L gọi điện đòi xe thì T có hỏi thuê thêm đến ngày 26/7/2018 thì anh L đồng ý. Đến ngày 27/7/2018 T tiếp tục đến hỏi vay thêm của anh K số tiền 10.000.000 đồng anh K đồng ý, hai bên thống nhất không viết giấy vay tiền mới mà sửa giấy vay tiền ngày 24/7/2018 từ 50.000.000 đồng thành 60.000.000đồng. Sau khi hết thời gian thuê xe anh L nhiều lần gọi điện yêu cầu T trả lại xe nhưng T cố tình tránh mặt và không có khả năng chuộc lại xe trả cho anh L. Số tiền cắm xe T đã trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Ngày 18/9/2018 anh L đã có đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên về sự việc nêu trên.

Ngày 19/9/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên ra quyết định trưng cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận giám định số: 76 ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của thành phố

Phúc Yên kết luận: "01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet - Cruze, loại xe ô tô con màu trắng 05 chỗ ngồi, dung tích xi lanh: 1598 đăng ký lần đầu 22/10/2015 có giá trị là: 350.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn".

Quá trình điều tra tại cơ quan công an, do T sử dụng nhiều chữ ký nên ngày 19/11/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên ra quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu chữ viết dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trong hợp đồng thuê xe tự lái. Tại bản kết luận số: 1736/ KLGĐ ngày 26/11/2018, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định và kết luận: " Chữ ký, chữ viết dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trên hợp đồng thuê xe tự lái so với chữ ký chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1,M2, M3 có đặc điểm chung, đặc điểm riêng giống nhau là cơ bản, ổn định đủ cơ sở khẳng định là do cùng một người ký, viết ra".

Về tài liệu, đồ vật thu giữ gồm gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet - Cruze màu sơn trắng biển kiểm soát (BKS) 88A-101.65 số máy 6D3152330348, số khung 696EFH929692; 01 giấy đăng ký xe (bản photo); 01 giấy chứng nhận kiểm định; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự (bản gốc); 01 giấy vay tiền giữa Mai Văn T và Nguyễn Văn K; 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái giữa Mai Văn T với Hoàng Đức L; 01 sổ hộ khẩu mang tên Mai Văn A; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Mai Văn T.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet- Cruze màu sơn trắng biển kiểm soát (BKS) 88A-101.65 số máy 6D3152330348, số khung 696EFH929692; 01 giấy đăng ký xe (bản photo); 01 giấy chứng nhận kiểm định; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự (bản gốc). Quá trình điều tra làm rõ tài sản trên là của anh Hoàng Đức L nên ngày 25/10/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại cho anh L, anh L nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với 01 sổ hộ khẩu mang tên Mai Văn A; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Mai Văn T. Ngày 14/3/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho chị Nguyễn Hà T1(là vợ T).

Đối với 01 giấy vay tiền giữa Mai Văn T và Nguyễn Văn K; 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái giữa Mai Văn T và Hoàng Đức L, được chuyển theo hồ sơ vụ án

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 05/10/2018 bị cáo T đã tự nguyện trả cho anh L số tiền 110.000.000 đồng là tiền thuê xe, tiền sửa chữa xe. Anh L đã nhận đủ và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với số tiền 60.000.000đồng anh Nguyễn Văn K đã cho T vay. Quá trình điều tra xác định khi cho T vay tiền và để lại xe ô tô cùng giấy tờ xe để làm tin. Anh K không biết chiếc xe đó là tài sản do phạm tội mà có. T đã trả lại cho anh K đủ số tiền trên, anh K không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại Cáo trạng số: 31/CT - VKSPY ngày 11 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Mai Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Mai Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T từ 08 (Tám) năm đến 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2018 đến ngày 13/3/2019. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với T.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Ghi nhận sự tự thỏa thuận về việc bồi thường dân sự giữa bị cáo Mai Văn T và anh Mai Văn Q cho anh Hoàng Đức L số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) xác nhận bị cáo T đã bồi thường xong thể hiện tại giấy nhận tiền ngày 05/10/2018.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Mai Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến bổ sung gì khác và không có ý kiến tham gia tranh luận.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 07 giờ ngày 23/7/2018 tại tổ dân phố X, phường B, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, Mai Văn T có hành vi thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet - Cruze màu sơn trắng biển kiểm soát 88A-101.65 của anh Hoàng Đức L để đi lại. Sau khi thuê được xe, do không có tiền tiêu sài nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên của anh L và đã cắm chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn K, lấy số tiền 60.000.000 đồng. Số tiền trên T đã trả nợ và tiêu xài cá nhân, không có khả năng chuộc lại xe trả cho anh L.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng đã

được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, từ đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Mai Văn T đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác….

.....

b) ...thuê tài sản của người khác ... bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

.....

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm".

Do đó, bản cáo trạng số: 31/CT - VKSPY ngày 11 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Mai Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo Mai Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường đầy đủ thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật và ham muốn kiếm tiền bất chính nhằm mục đích tiêu sài cá nhân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù với mức án từ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) năm mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

[3] Về hình phạt bổ sung, theo khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng"*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo T không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với T.

[4] Về vật chứng của vụ án: Số vật chứng của vụ án đã thu giữ gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet- Cruze màu sơn trắng biển kiểm soát 88A-101.65 số máy 6D3152330348, số khung 696EFH929692; 01 giấy đăng ký xe (bản photo); 01 giấy chứng nhận kiểm định; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự (bản gốc). Quá trình điều tra làm rõ tài sản trên là của anh Hoàng Đức L nên ngày 25/10/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho anh L nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì khác. Đối với 01 sổ hộ khẩu mang tên Mai Văn A; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Mai Văn T. Ngày 14/3/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho chị Nguyễn Hà T1(là vợ T) là phù hợp.

Đối với 01 giấy vay tiền giữa Mai Văn T và Nguyễn Văn K; 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái giữa Mai Văn T và Hoàng Đức L, được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự*:* Quá trình điều tra, anh Mai Văn Q là anh trai bị cáo T, dưới sự tác động của T đã tự nguyện cho T số tiền 110.000.000đồng. Ngày 05/10/2018 bị cáo T đã tự nguyện trả cho anh L số tiền 110.000.000 đồng là tiền thuê xe, tiền sửa chữa xe. Anh L đã nhận đủ và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và không có yêu cầu đề nghị gì khác về phần dân sự.

Đối với số tiền 60.000.000đồng anh Nguyễn Văn K đã cho T vay. Quá trình điều tra xác định khi cho T vay tiền và để lại xe ô tô cùng giấy tờ xe để làm tin. Anh K không biết chiếc xe đó là tài sản do phạm tội mà có. Anh Nguyễn Xuân K là giám đốc công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ Đ nơi bị cáo T làm công nhân đã tự nguyện cho T số tiền 60.000.000 đồng và T đã trả cho anh Nguyễn Văn K đủ số tiền đã vay, anh K không có yêu cầu đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì khác về phần bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận về sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự. Xét đây là thỏa thuận tự nguyện và không trái pháp luật, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận. Ngoài ra anh Mai Văn Q và anh Nguyễn Xuân K cũng không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường cho anh L và anh K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Mai Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Mai Văn T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2018 đến ngày 13/3/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Ghi nhận sự tự thỏa thuận về việc bồi thường dân sự giữa bị cáo Mai Văn T và anh Mai Văn Q cho anh Hoàng Đức L số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) xác nhận bị cáo T đã bồi thường xong thể hiện tại giấy nhận tiền ngày 05/10/2018.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Mai Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Ngọc Đại **Nguyễn Xuân Thịnh** **Nguyễn Thị Trang Nhung**

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THA dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án; bộ phận theo dõi THA.HS; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trang Nhung